



BẢN TIN THƯƠNG VỤ

BẢN TIN SỐ 20 – NĂM 2023

**THƯƠNG VỤ VIỆT NAM
TẠI NIU DI-LÂN**

TRONG SÔ NÀY

Tin tức

Chính sách và quy định kinh doanh

BAN BIÊN TẬP

1. Trần Diệu Oanh

Tham tán Thương mại

2. Đỗ Hữu Tùng

Bí thư thứ Hai



TIN TỨC

TÌNH HÌNH KINH TẾ NIU DI-LÂN

Tình hình kinh tế - xã hội

Trong quý I/2023, New Zealand hứng chịu 02 đợt thiên tai lịch sử do mưa lớn và bão xảy ra ở toàn bộ đảo Bắc gây ngập lụt rộng lớn ở các thành phố Auckland, vùng Hawke's Bay gây thiệt hại lớn về nhà cửa, cầu đường khiến hàng nghìn hộ dân phải sơ tán. Chính phủ New Zealand đã phải ban bố tình trạng khẩn cấp trên toàn quốc gia, đây là lần thứ 3 trong lịch sử, Chính phủ phải ban bố tình trạng này do những thiệt hại về cơ sở hạ tầng và con người. Yêu cầu đặt ra rất cấp bách đặt ra với chính quyền và người dân New Zealand là phục hồi thiệt hại do thiên tai và nâng cấp cơ sở hạ tầng chưa đủ chống chọi với thiên tai cường độ mạnh như thời gian vừa qua.

Kinh tế Niu Di-lân thời gian qua có một số điểm chính sau:

- Theo số liệu cập nhật ngày 16/3/2023, GDP năm 2022 là 380 tỉ NZD, tốc độ tăng trưởng 2,4%, tốc độ tăng trưởng Quý 4/2022 giảm 0,6% so với Quý 3/2022. Tốc độ tăng trưởng dự báo dưới 1% trong năm 2023, thậm chí chỉ đạt 0,1%; sau đó sẽ tăng trưởng trở lại trong giai đoạn từ 2024-2027.

- Một số chỉ số cơ bản: Tỷ lệ lạm phát là 7,2% là mức cao kỷ lục kể từ năm 1990, lãi suất cơ bản (OCR) là 4,75%.

- Theo dữ liệu của Cục Thống kê New Zealand, sự yếu kém trong nền kinh tế đang diễn ra trên diện rộng

và các điều kiện sản xuất, bán lẻ, thương mại và chỗ ở đã suy thoái. Ngân hàng trung ương và kho bạc đều dự báo sẽ bước vào một cuộc suy thoái nông trong quý 2 năm 2023.

- Các nhà kinh tế cho biết dữ liệu yếu được công bố vào đầu tháng 3 năm 2023 cho thấy nền kinh tế đã rơi vào suy thoái, đặc biệt do tác động của thiên tai trong 2 tháng đầu năm.

- Tình hình giá cả leo thang trên hầu hết các mặt hàng thực phẩm ở New Zealand. Các số liệu mới được công bố cho thấy giá trái cây và rau quả đã tăng 16% trong năm ngoái và một số cảnh báo hậu quả của cơn bão Gabrielle trong tháng 2/2023 sẽ chỉ làm cho tình hình trở nên tồi tệ hơn.

Giá thực phẩm tăng 10,3% trong tháng 01/2023. So sánh giữa Tháng 1/2023 và tháng 01/2022 tại một số mặt hàng thực phẩm:

Giá rau quả tăng 16%; Giá thịt, gia cầm và cá tăng 9,2%; Giá thực phẩm tạp hóa tăng 11%; Giá đồ uống không cồn tăng 7,1%; Suất ăn tại nhà hàng và giá thực phẩm chế biến sẵn tăng 8,3%;

- New Zealand tổ chức Đại hội bơ thế giới lần thứ 10 tại Thành phố Auckland từ ngày 2 đến 5/04/2023. Đại hội 04 năm một lần là sự kiện toàn cầu lớn nhất cho ngành công nghiệp bơ. Hơn 1.000 đại biểu từ 27 quốc gia đã đăng ký tham dự, làm cho Đại hội lần này trở thành một trong những sự kiện làm vườn lớn nhất mà New Zealand đăng cai. New Zealand Avocado, là đơn vị chủ trì đăng cai và tổ chức Đại hội.

Tình hình thương mại giữa Niu Di-lân với thế giới

Về xuất khẩu

Xuất khẩu hàng hóa đã tăng 41 triệu NZD (0,8%) lên 5,2 tỷ NZD vào tháng 2/2023. Sữa bột, bơ và pho mát (nhóm hàng hóa xuất khẩu lớn nhất) tăng 40 triệu NZD (2,6 %), lên 1,6 tỷ NZD.

Phô mai tăng 87 triệu NZD (51%) về giá trị, lên 258 triệu NZD; số lượng xuất khẩu tăng 34%. Giá trung bình mỗi kg tăng 12%.

Sữa và kem tươi tăng 34 triệu NZD (45%) về giá trị, lên 110 triệu NZD; số lượng xuất khẩu tăng 15%. Đơn giá trung bình tăng 26%.

Sữa bột giảm 120 triệu NZD (14%) về giá trị, xuống còn 763 triệu NZD; số lượng xuất khẩu giảm 5,8%. Đơn giá bình quân giảm 8,2%.

Thịt và nội tạng ăn được đã giảm 200 triệu NZD (21%), xuống còn 745 triệu NZD vào tháng 2/2023 so với tháng 2/2022.

Thịt cừu giảm 126 triệu NZD (27%) về giá trị, còn 343 triệu NZD; số lượng xuất khẩu giảm 10%. Giá trung bình mỗi kg giảm 19%.

Thịt bò đông lạnh giảm 59 triệu NZD (15%) về giá trị, còn 322 triệu NZD; lượng xuất khẩu tăng 5,1%. Giá trung bình mỗi kg giảm 20%.

Thịt bò tươi giảm 18 triệu NZD (33%) về giá trị, xuống còn 35 triệu NZD; số lượng xuất khẩu giảm 28%. Giá trung bình mỗi kg giảm 7,3%.

Kim ngạch xuất khẩu trái cây đã giảm 3,9 triệu NZD (8,5%) về giá trị, xuống còn 41 triệu NZD, vào tháng 2/2023 so với tháng 2/2022. Kim ngạch xuất khẩu trái cây thường bắt đầu tăng vào tháng 3 và đạt mức cao nhất vào tháng 4 hoặc tháng 5 (chủ yếu là quả kiwi và táo).

Kim ngạch xuất khẩu rau tăng 4,6 triệu NZD (9,6%) về giá trị, lên 52 triệu NZD, vào tháng 2/2023 so với tháng 2/2022. Kim ngạch xuất khẩu rau thường cao nhất vào tháng 3 (chủ yếu là hành và bí).

Xuất khẩu gỗ tròn, gỗ và các sản phẩm từ gỗ đã tăng 5,0 triệu NZD (1,3%) về giá trị vào tháng 2/2023 so với tháng 2/2022.

Xuất khẩu sang các đối tác thương mại hàng đầu hầu hết tăng mặc dù xuất khẩu thịt giảm. Xuất khẩu tăng đối với tất cả các đối tác xuất khẩu chính của New Zealand, ngoại trừ

Liên minh Châu Âu, vào tháng 2/2023. Diễn biến hàng tháng trong tháng 2/2023 đối với các đối tác xuất khẩu hàng đầu của New Zealand (được xếp hạng theo tổng xuất khẩu hàng hóa hàng năm) là:

Trung Quốc – tăng 100 triệu NZD (7,1%), lên 1,5 tỷ NZD. Tăng mạnh nhất là các chế phẩm từ sữa, ngũ cốc, bột mì và tinh bột, tăng 107 triệu NZD; giảm nhiều nhất là thịt và nội tạng ăn được, giảm 57 triệu NZD.

Úc – tăng 47 triệu NZD (7,2%), lên 700 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là sữa bột, bơ và pho mát, tăng 41 triệu NZD; giảm mạnh nhất là dầu thô, giảm 41 triệu NZD.

Hoa Kỳ – tăng 109 triệu NZD (22%), lên 613 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là rượu vang, tăng 44 triệu NZD; giảm nhiều nhất là thịt bò, giảm 27 triệu NZD.

EU – giảm 16 triệu NZD (5,3 %), còn 294 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là rượu vang, tăng 8,2 triệu NZD; giảm mạnh nhất là thịt cừu, giảm 20 triệu NZD.

Nhật Bản – tăng 67 triệu NZD (27%), lên 311 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là sữa bột, bơ và pho mát, tăng 39 triệu NZD; giảm mạnh nhất là nhôm và các mặt hàng nhôm, giảm 20 triệu NZD.

Về nhập khẩu

Nhập khẩu hàng hóa đã tăng 40 triệu NZD (0,7%) lên 5,9 tỷ NZD vào tháng 2/2023 so với tháng 2/2022.

Xăng dầu và các sản phẩm nhập khẩu tăng, cụ thể:

Dầu mỏ và các sản phẩm tăng 190 triệu NZD (37%) lên 701 triệu NZD.

Dầu diesel tăng 286 triệu NZD (363 %) về giá trị, lên 365 triệu NZD; số lượng nhập khẩu tăng 213%. Đơn giá trung bình tăng 48%.

Hàn Quốc là nước đóng góp chính cho sự gia tăng, tăng 140 triệu NZD.

Hàn Quốc chiếm 39% tổng giá trị dầu diesel nhập khẩu; Singapore chiếm 36%.

Xăng dầu tăng 102 triệu NZD (98%) về giá trị, lên 206 triệu NZD; số lượng nhập khẩu tăng 100%. Đơn giá bình quân giảm 0,9%.

Singapore là nước đóng góp chính cho sự gia tăng, tăng 40 triệu NZD.

Hàn Quốc chiếm 43% tổng giá trị xăng dầu nhập khẩu; Singapore chiếm 38%.

Dầu thô giảm \$294 triệu (100%) về giá trị. Nhà máy lọc dầu Marsden Point đã ngừng lọc dầu thô kể từ tháng 4 năm 2022.

Nhập khẩu từ Trung Quốc giảm mạnh, nhập khẩu từ tất cả các đối tác thương mại khác tăng.

Diễn biến hàng tháng trong tháng 2/2023 đối với các đối tác nhập khẩu hàng đầu của New Zealand (được xếp hạng theo tổng lượng hàng hóa nhập khẩu hàng năm) là:

Trung Quốc – giảm 340 triệu NZD (22%) xuống còn 1,2 tỷ NZD. Sự gia tăng lớn nhất là phương tiện có động cơ, tăng \$57 triệu NZD. Những mặt hàng giảm tương tự như: hóa chất và sản phẩm hóa chất, giảm 58 triệu NZD, mặt hàng sắt thép giảm 56 triệu NZD, dược phẩm giảm \$48 triệu, phân bón giảm 48 triệu NZD.

Liên minh Châu Âu – tăng 86 triệu NZD (9,9%) lên 949 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là máy móc thiết bị cơ khí tăng 38 triệu NZD; giảm mạnh nhất là ngũ cốc, giảm 24 triệu NZD.

Úc – tăng 29 triệu NZD (4,3%) lên 698 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là chất béo và dầu, tăng 16 triệu NZD; sụt giảm lớn nhất là xe cộ, giảm 24 triệu NZD.

Hoa Kỳ – tăng 108 triệu NZD (23%) lên 571 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là máy móc thiết bị cơ khí tăng 53 triệu NZD; giảm nhiều nhất là máy bay và phụ tùng, giảm 11 triệu NZD.

Hàn Quốc – tăng 191 triệu NZD (84%) lên 419 triệu NZD. Tăng nhiều nhất là xăng dầu và sản phẩm, tăng 213 triệu NZD; giảm mạnh nhất là các sản phẩm hóa chất, giảm 9,9 triệu NZD.

Đối với hàng nhập khẩu từ Việt Nam, dự báo các mặt hàng máy móc-thiết bị cơ khí, các chế phẩm làm sạch, đồ nội thất, hàng tiêu dùng, đồ uống đóng chai và hàng nông sản sẽ đạt được tăng trưởng dương có thể ở mức cao hơn năm 2022. Các mặt hàng chủ đạo của Việt Nam như máy móc-thiết bị điện, giày-dép, hàng dệt-may, đồ nội thất, hạt điều có khả năng có thể đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2023.

IV. Thương mại Việt Nam - Niu Di-lân

Theo số liệu của Cục Thống kê Niu Di-lân, trong năm 2022 kim ngạch xuất nhập khẩu giữa 2 nước đạt 2,57 tỷ NZD, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2021 (2,06 tỷ NZD), trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 1,6 tỷ NZD, tăng 30,1%, kim ngạch nhập khẩu từ Niu Di-lân đạt khoảng 980 triệu NZD, tăng 17,2% so với cùng kỳ. Việt Nam tiếp tục là đối tác thương mại lớn thứ 14 (đứng thứ 5 trong ASEAN) của Niu Di-lân.

Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân

Kim ngạch hai chiều Việt Nam - Niu Di-lân trong 2 tháng đầu năm 2023 đạt 237,7 triệu USD, tăng 3%, trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 110,6 triệu USD, tăng 5,1%, kim ngạch nhập khẩu từ Niu Di-lân đạt 127 triệu USD, tăng 1,2%. Việt Nam tiếp tục là đối tác thương mại lớn thứ 13 (đứng thứ 5 trong ASEAN) của Niu Di-lân.

a) Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân

Bảng 1: Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân

DVT: USD

Mặt hàng	2 tháng năm 2022	Tháng 1 năm 2023	Tháng 2 năm 2023	2 tháng năm 2023	Tăng/giảm
Tổng	105,237,299	58,890,182	51,709,375	110,615,788	5,1%
Hàng thủy sản	3,195,229	728,565	1,615,556	2,344,121	-26.6

Hạt điều	2,656,493	1,058,479	1,057,998	2,116,476	-20.3
Cà phê	175,634	88,543	619,188	707,731	303.0
Quặng và khoáng sản khác	-	21,000	-	21,000	-
Sản phẩm từ chất dẻo	1,679,927	1,034,898	848,029	1,881,950	12.0
Gỗ và sản phẩm gỗ	3,826,340	1,271,600	787,498	2,059,098	-46.2
Hàng dệt, may	8,579,045	4,445,478	3,239,040	7,684,518	-10.4
Giày dép các loại	8,428,561	4,237,101	4,383,737	8,623,427	2.3
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	14,692,999	5,183,548	5,119,448	10,302,996	-29.9
Điện thoại các loại và linh kiện	32,573,900	26,932,723	12,476,183	39,408,906	21.0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	7,488,016	5,148,582	4,821,633	9,970,215	33.1
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	735,790	303,339	57,285	360,624	-51.0
Hàng hóa khác	21,205,365	8,436,326	16,683,780	25,134,726	18.5

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu

Bảng 1 cho thấy, mặt hàng cà phê đặc biệt tăng trưởng mạnh hơn 300% so với cùng kì năm 2022. Trong khi đó, gỗ và các sản phẩm giảm mạnh tương đương với giảm 46% và 51% do chi phí dành cho nhu cầu của tiêu dùng của người dân New Zealand giảm mạnh ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế và suy thoái.

b) Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân

Bảng 2: Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân

DVT: USD

Mặt hàng	2 tháng năm 2022	Tháng 1 năm 2023	Tháng 2 năm 2023	2 tháng năm 2023	Tăng/giảm
Tổng	125,522,362	58,671,072	68,397,932	127,065,180	1.2
Sữa và sản phẩm sữa	79,282,992	38,857,328	53,469,583	92,326,911	16.5
Hàng rau quả	6,243,588	5,119,897	1,371,983	6,487,774	3.9
Sản phẩm hóa chất	685,038	723,815	24,617	748,432	9.3
Gỗ và sản phẩm gỗ	7,407,260	4,716,988	1,846,758	6,563,746	-11.4
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1,709,650	1,017,892	938,151	1,956,043	14.4
Phế liệu sắt thép	15,493,815	328,904	303,432	632,336	-95.9

Sắt thép các loại	271,842	235,636.0	-	236,621	-13.0
Kim loại thường khác	-	649,344.0	537973	1,187,317	-
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1,846,841	66,262	603,793	670,535	-63.7
Mặt hàng khác	12,581,336	6,955,006	9,301,642	16,255,465	29.2

MỘT SỐ TIN CHÍNH

DIỄN ĐÀN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ TẠI THÀNH PHỐ PALMERSTON NORTH, NEW ZEALAND

Diễn đàn thương mại và đầu tư Việt Nam-New Zealand mang tên “Giao thương với Việt Nam” được tổ chức vào ngày 3/4 tại thành phố Palmerston North, thuộc miền Bắc New Zealand.

Hoạt động do Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand, Cơ quan thương vụ Việt Nam phối hợp với Hội đồng thành phố, Phòng Thương mại vùng Manawatu, Cơ quan phát triển kinh tế CEDA tổ chức.

Tham dự sự kiện có Đại sứ Việt Nam tại New Zealand Nguyễn Văn Trung, Thị trưởng thành phố Palmerston North Grant Smith, một số nghị sỹ và đại diện của trên 40 doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc vùng Manawatu-Whanganui.

Phát biểu tại diễn đàn, Thị trưởng Grant Smith bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với thành tựu phát triển và phục hồi tăng trưởng của Việt Nam sau đại dịch covid-19 và cho biết, cộng đồng doanh nghiệp địa phương có mối quan tâm ngày càng lớn đến Việt Nam, được đánh giá là thị trường đầy tiềm năng, trong đó có nhiều lĩnh vực hai bên có thể hợp tác đầu tư, kinh doanh.

Thị trưởng đánh giá cao sáng kiến tổ chức diễn đàn nhằm cập nhật thông tin, trao đổi và giải đáp thắc mắc của các doanh nghiệp và là cơ hội kết nối mạng lưới có giá trị cho doanh nghiệp địa phương.

Trong phát biểu khai mạc, Đại sứ Việt Nam tại New Zealand Nguyễn Văn Trung nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-New Zealand, không ngừng phát triển và củng cố qua nhiều hoạt động ngoại giao quan trọng của lãnh đạo cấp cao hai nước trong năm 2022 vừa qua, đặc biệt là các chuyến thăm của cựu Thủ tướng New Zealand Jacinda Ardern đến Việt Nam (tháng 10/2022) và Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ thăm New Zealand (tháng 12/2022). Hai nước đều là thành viên của các Hiệp định thương mại đa phương thế hệ mới, trong đó New Zealand đang là chủ tịch của CPTPP, mở ra nhiều cơ hội mà doanh nghiệp và địa phương hai nước cần tranh thủ tận dụng, phục vụ công cuộc phục hồi và phát triển kinh tế.

Cơ quan thương vụ thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand đã giới thiệu tổng thể phát triển của nền kinh tế, các chính sách thương mại, thu hút đầu tư, hợp tác phát triển và xúc

tiền du lịch của Việt Nam. Tại diễn đàn, nhiều câu hỏi về một số ngành hàng, lĩnh vực, sản phẩm cụ thể đến các vấn đề liên quan khuôn khổ luật pháp, chính sách khuyến khích đầu tư và xúc tiến thương mại của Việt Nam đã được giải đáp và ghi nhận.

Doanh nghiệp vùng Manawatu đặc biệt quan tâm đến cơ chế chính sách phát triển gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và kinh tế xanh. Các lĩnh vực như sản xuất thực phẩm sạch, thực phẩm hữu cơ, sản phẩm gỗ và đồ gỗ gia dụng cũng được nhiều doanh nghiệp quan tâm, đặc biệt liên quan đến khả năng hợp tác đầu tư sản xuất các dòng sản phẩm này tại Việt Nam để tiêu thụ tại chỗ và xuất khẩu sang nước thứ ba.

Về xuất khẩu, doanh nghiệp cũng cho biết sản phẩm đồ gỗ có xuất xứ từ Việt Nam có khả năng cạnh tranh về chất lượng và giá thành tại thị trường New Zealand. Một số tổ chức và doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục phổ thông và đại học cũng bày tỏ mối quan tâm lớn đến thị trường Việt Nam, nơi có dân số trẻ và có nhu cầu cao về giáo dục và đào tạo ở nước ngoài.

Diễn đàn thương mại và đầu tư Việt Nam-New Zealand là hoạt động mở đầu cho một loạt các sự kiện xúc tiến thương mại và du lịch trong năm 2023 mà cơ quan đại diện Việt Nam tại New Zealand sẽ tổ chức tại một số địa phương trọng điểm của New Zealand, đối tác chiến lược của Việt Nam tại khu vực Nam Thái Bình Dương.

Diễn đàn là cơ hội nắm bắt nhu cầu, thế mạnh, mối quan tâm và vướng mắc tại địa phương, từ đó có khuyến nghị chính sách phù hợp để thúc đẩy trao đổi thương mại và hợp tác đầu tư với Việt Nam. Diễn đàn cũng là dịp tốt để hai bên xây dựng mạng lưới, kết nối doanh nghiệp và địa phương hai nước, làm sâu sắc hơn, mang lại giá trị thiết thực hơn cho mối quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-New Zealand trong tình hình mới.

GIÁ THỰC PHẨM TẠI NEW ZEALAND TĂNG NHANH NHẤT TRONG HƠN 30 NĂM

Giá thực phẩm đã tăng với tốc độ hàng năm nhanh nhất trong hơn 30 năm do các mặt hàng tạp hóa, trái cây và rau củ tăng mạnh. Theo Cục Thống kê (Stats NZ) cho biết giá thực phẩm đã tăng 1,5% trong tháng 2 so với tháng trước, cao hơn 12% so với một năm trước. Đó là tỷ lệ lạm phát lương thực cao nhất kể từ tháng 9 năm 1989. Trái cây và rau thúc đẩy mức tăng hàng tháng, lên gần 6%, với mức tăng nhẹ đối với thịt và thực phẩm. Tuy nhiên, mức tăng hàng năm là do giá hàng tạp hóa tăng 12%, đặc biệt là trứng, pho mát và khoai tây chiên. Giá rau quả tăng 23% trong năm, với giá cà chua tăng hơn gấp đôi và giá khoai tây tăng gấp rưỡi.

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ NEW ZEALAND

Dự báo mới nhất của Viện Nghiên cứu kinh tế New Zealand (NZIER) cho thấy triển vọng tăng trưởng ngắn hạn của nền kinh tế New Zealand được điều chỉnh tăng nhưng sẽ có sự điều chỉnh giảm trong hai năm tiếp theo. Tăng trưởng GDP trung bình hàng năm được dự báo sẽ giảm xuống 0,3% trong năm tính đến tháng 3 năm 2024 trước khi tăng lên 1% trong năm tiếp theo. Nhu cầu vẫn ổn định trong nền kinh tế trong năm qua, mặc dù tỷ lệ lãi suất tiền gửi chính thức (OCR) tăng mạnh. Tác động làm giảm hoàn toàn của việc tăng OCR theo nhu cầu dự kiến sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế New Zealand lớn hơn khi nhiều khoản thế chấp có thời hạn cố định được định giá lại với lãi suất cao hơn nhiều trong năm tới. Nhu cầu từ việc xây dựng lại sau cơn bão Gabrielle có thể sẽ bù đắp phần nào cho điều này. Tiêu dùng hộ gia đình đã được điều chỉnh giảm cho đến năm 2025. Tỷ lệ tiết kiệm hộ gia đình tăng lên và doanh số bán hàng hóa giảm trong năm qua cho thấy nhu cầu chi tiêu của hộ gia đình giảm. Dự kiến mức tiêu dùng hộ gia đình sẽ tiếp tục chậm lại do nhiều hộ gia đình phải đối mặt với các khoản trả nợ thế chấp cao hơn đáng kể trong năm tới. Triển vọng trung hạn cho đầu tư nhà ở đã được cải thiện. Mặc dù thị trường nhà ở yếu hơn và lãi suất cao hơn đang ảnh hưởng đến nhu cầu xây dựng nhà ở trong những năm tới, nhưng việc xây dựng lại sau bão có thể sẽ bù đắp phần nào cho sự nói lỏng này.

Nhìn chung, triển vọng trung hạn cho tăng trưởng xuất khẩu của New Zealand vẫn vững chắc. Tuy nhiên, dự báo tăng trưởng xuất khẩu cho năm tới đã được điều chỉnh thấp hơn. Điều này phản ánh những kỳ vọng về sản lượng nông nghiệp và khối lượng xuất khẩu giảm do các sự kiện thiên tai vừa qua. Triển vọng lạm phát đã được điều chỉnh tăng trong các năm cho đến năm 2025. Lạm phát CPI hàng năm được dự báo sẽ đạt 7% tính đến tháng 3 năm 2023 và giảm xuống 3,9% trong năm tiếp theo trước khi giảm thêm xuống 2,5% vào năm 2025.

NEW ZEALAND CÓ THỂ TIẾP TỤC SUY THOÁI TRONG NĂM TỚI

Theo một nhà dự báo kinh tế, nền kinh tế có lẽ đã suy thoái và có khả năng sẽ tiếp tục như vậy vào năm tới trong bối cảnh lãi suất tăng và ngân sách hộ gia đình bị áp lực.

Công ty tư vấn Infometrics đã đưa ra một loạt dự báo mới cho năm tới và tin rằng việc Ngân hàng Dự trữ (RBNZ) tăng lãi suất mạnh, suy thoái nhà ở, thiếu lao động và gián đoạn chuỗi cung ứng đã gây thiệt hại cho nền kinh tế.

"Chúng tôi cho rằng nền kinh tế hiện đang suy thoái. Chúng tôi nghi ngờ rằng quý cuối cùng của năm 2022 sẽ có mức tăng trưởng âm và chúng tôi dự đoán mức tăng trưởng âm sẽ tiếp tục gần như trong suốt năm 2023 và cả đầu năm sau", trưởng bộ phận dự báo Gareth Kiernan nói. Sự tụt giảm có thể không quá sâu, khoảng 1-1,5%, nhưng không thể và sẽ không tránh được khi RBNZ nâng tỷ lệ tiền mặt chính thức lên 5,75% vào giữa năm nay, đẩy lãi suất thế chấp lên mức cao nhất trong 14 năm trên 7%.

"Cùng với các áp lực chi phí sinh hoạt khác, các khoản trả nợ thế chấp cao hơn đang bắt đầu làm giảm khối lượng chi tiêu so với vài năm trước."

Kiernan nói rằng điều đó chắc chắn sẽ dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp cao hơn, chạm mức 5% vào năm tới.

"Mất việc làm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi tiêu của mọi người, nhưng sự lo lắng gia tăng về việc làm và bảo đảm thu nhập sẽ dẫn đến hành vi chi tiêu thận trọng hơn ở nhiều hộ gia đình hơn."

Chuyên gia cho biết thêm những rủi ro là triển vọng toàn cầu không chắc chắn, bất chấp hy vọng rằng Hoa Kỳ có thể tránh được suy thoái kinh tế và nền kinh tế Trung Quốc sẽ phục hồi sau khi các hạn chế Covid-19 kết thúc.

"Rủi ro giảm giá lớn nhất khác có lẽ là tình trạng của nền kinh tế toàn cầu và suy thoái dự kiến ở cả Mỹ và châu Âu... chảy qua và tác động nặng nề hơn đến New Zealand, đặc biệt là về các lĩnh vực xuất khẩu của chúng tôi."

Các lĩnh vực xây dựng và bán lẻ dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế, với giá nhà giảm tổng cộng 22% so với mức cao nhất của hai năm trước.

Kiernan cho biết không phải tất cả đều tiêu cực với nhiều gián đoạn quốc tế như vận chuyển và ổn định sản xuất toàn cầu.

Tuy nhiên, RBNZ có thể sẽ tiếp tục tăng OCR cho đến khi nhận thấy bằng chứng thực tế rằng lạm phát đang được kiểm soát, ngay cả khi điều đó có nghĩa là làm trầm trọng thêm tình trạng suy thoái kinh tế.

CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH

TIÊU CHUẨN NHẬP KHẨU CÁC LOẠI HẠT KHÔ VÀ/HOẶC ĐÃ QUA CHẾ BIẾN

Các doanh nghiệp có thể nghiên cứu bản gốc tiêu chuẩn tại địa chỉ: <https://www.biosecurity.govt.nz/dmsdocument/1663-stored-plant-products-for-human-consumption-spp-human-ihs-import-health-standard>.

Phần 1: Yêu cầu

Phạm vi áp dụng

- IHS này chỉ áp dụng cho việc nhập khẩu các loại hạt khô và/hoặc đã qua chế biến (kể cả đông lạnh) làm thực phẩm cho con người.

Kiểm tra an toàn sinh học

- Ngay khi hàng hóa cập cảng Niu Di-lân, các chứng từ kèm theo lô hàng sẽ được kiểm tra tại cảng đến.

- Cán bộ kiểm dịch cũng có thể kiểm tra lô hàng hoặc mẫu hàng hóa.

- Hàng hóa không tuân thủ yêu cầu trong IHS có thể không được thông quan vào Niu Di-lân và có thể được yêu cầu xử lý thêm, trả lại nước xuất khẩu, tiêu hủy hoặc các biện pháp khác được Giám đốc Kỹ thuật coi là phù hợp.

- Việc vận chuyển hàng hóa cũng có thể bị đình chỉ nếu phát hiện một số loại sinh vật gây hại hoặc hạt giống cỏ thuộc diện phải kiểm soát.

- Nhà nhập khẩu phải chịu mọi chi phí liên quan.

Phần 2: Các yêu cầu trước khi vận chuyển hàng hóa

Giấy tờ cần thiết

- Các loại giấy tờ nên được viết bằng tiếng Anh. Đối với các giấy tờ bằng ngôn ngữ khác, nếu cán bộ kiểm dịch không thể xác định liệu hàng hóa có đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu vào Niu Di-lân hay không, MPI bảo lưu quyền yêu cầu nhà nhập khẩu bổ sung bản dịch do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Giấy phép nhập khẩu: Không bắt buộc, trừ hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Phần 3.8 của IHS này.

- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: Nhà nhập khẩu phải trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bản gốc) theo quy định tại Phần 4 và 5 của IHS này do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (trường hợp này là Cục Bảo vệ thực vật) cấp.

- Giấy tờ khác: ngoài giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, hàng hóa phải kèm theo các giấy tờ khác như vận đơn, hóa đơn hàng không, ngoài các quy định tại Phần 3.2.

- Giấy chứng nhận của nhà sản xuất phải được in trên tiêu đề thư có tên công ty (letterhead), được ký bởi người đại diện có thẩm quyền và có các nội dung như: i) chữ ký, chức danh, ngày ký; ii) tên và địa chỉ nhà cung cấp (nếu khác với nhà sản xuất); iii) mô tả sản phẩm hoặc thương hiệu; iv) thông tin về quy trình chế biến; v) ngày sản xuất.

Kiểm tra lô hàng trước khi vận chuyển

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải kiểm tra xem hàng hóa có sinh vật gây hại thuộc diện kiểm soát hay không.

- Nếu có sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ sinh vật gây hại trước khi xuất khẩu.

- Cục Bảo vệ thực vật chỉ được cấp giấy chứng nhận SPS sau khi xác nhận biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả.

Xét nghiệm lô hàng trước khi vận chuyển

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo rằng biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả. Hàng hóa phải được xét nghiệm nhằm phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng tại một phòng thí nghiệm được Hiệp hội xét nghiệm hạt giống quốc tế công nhận.

- Nếu phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ hạt giống trước khi xuất khẩu.

Các yêu cầu về xử lý hàng hóa trước khi vận chuyển

- Nói chung, việc xét nghiệm để phát hiện sinh vật gây hại đối với các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của IHS này là không bắt buộc. Trường hợp được yêu cầu, hàng hóa cần có giấy chứng nhận SPS với các khai báo bổ sung phù hợp nếu việc xử lý sinh vật gây hại được thực hiện trước khi xuất khẩu.

Đóng gói và dán nhãn hàng hóa

- Bao bì đóng gói phải sạch sẽ, không dính đất và các chất ô nhiễm khác.
- Nhãn hàng hóa nên bằng tiếng Anh và không bị rách để cán bộ kiểm dịch dễ dàng nhận diện.

Yêu cầu về quá cảnh

- Tất cả hàng hóa phải được đóng gói và vận chuyển phù hợp để phòng ngừa việc phá hoại và/hoặc bị nhiễm sinh vật gây hại sau khi sản xuất/xử lý.
- Không được mở bao bì trên đường quá cảnh
- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, trong quá trình quá cảnh và nằm dưới sự kiểm soát trực tiếp của Cục Bảo vệ thực vật nước quá cảnh, nếu được lưu kho, chia tách hoặc thay đổi bao bì tại nước quá cảnh trên đường đến Niu Di-lân, hàng hóa phải được cấp thêm “giấy chứng nhận tái xuất khẩu” ngoài giấy chứng nhận SPS ban đầu.
- Không cần giấy chứng nhận tái xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa bị giữ lại để thay đổi phương tiện vận chuyển và vẫn nằm trong công-ten-nơ band đầu.

Phần 3: Các yêu cầu khi cập cảng

- Các hàng hóa thuộc diện rủi ro phải được cán bộ kiểm dịch thực hiện thông quan, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy. Nhà nhập khẩu có trách nhiệm khai báo hàng hóa thuộc diện rủi ro tới cán bộ kiểm dịch.
- Hàng hóa chưa được thông quan phải nằm dưới sự kiểm soát của MPI và không được di chuyển hoặc tác động nếu không được cho phép.
- Các chi phí lấy mẫu, kiểm tra, xử lý, vận chuyển, kiểm dịch, trả lại nước xuất khẩu... do nhà nhập khẩu chịu.

Kiểm tra khi cập cảng

- Đối với hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra theo quy định tại Phần 4 và 5, các lô hàng sẽ được kiểm tra và/hoặc xét nghiệm ngẫu nhiên để đảm bảo lô hàng đảm bảo điều kiện thông quan.
- Hàng hóa không thuộc diện kiểm tra thông thường sẽ không bị kiểm tra nếu đáp ứng các yêu cầu trong phần 1.3.

Kiểm tra

- Cán bộ kiểm dịch sẽ kiểm tra hàng hóa để phát hiện sinh vật gây hại, đất hoặc các chất lẫn dễ thấy khác.

Lấy mẫu

- Nếu hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra, mỗi lô trong cả chuyến hàng đều phải lấy mẫu. Một mẫu tối thiểu là 5kg/chuyến hàng. Nếu cả chuyến hàng ít hơn 5kg thì tất cả hàng hóa đều phải kiểm tra.

Phát hiện sinh vật gây hại và các chất lẫn

- Trường hợp phát hiện sinh vật sống, nhà nhập khẩu có thể được quyền xác định xem sinh vật đó có phải sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát không. Nếu có, hàng hóa phải được xử lý, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy theo yêu cầu của MPI. Hàng hóa có thể được cho thông quan nếu sinh vật gây hại được phát hiện không thuộc diện phải kiểm soát.

Mức độ chấp nhận được đối với các hạt giống lẫn

- Đối với hàng hóa được xử lý nhiệt hoặc chế biến ở các trạm trung chuyển tại Niu Di-lân, các loại hạt lẫn phải được nêu trong giấy chứng nhận phân tích hạt. Hàng hóa thuộc diện này không phải xử lý thêm vì quy trình xử lý hoặc chế biến tại các trạm trung chuyển sẽ làm các loại hạt này mất khả năng sinh trưởng.

- Đối với các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng, dung sai đối với hạt lẫn tối đa là 0,1% trọng lượng. Giống và số lượng hạt lẫn phải được mô tả trong giấy chứng nhận phân tích hạt hoặc được cán bộ kiểm dịch của MPI xác định thông qua kiểm tra mẫu khi cập cảng.

- Các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng không được phép có các hạt lẫn thuộc các giống liệt kê trong danh mục Hạt giống cỏ thuộc diện kiểm soát (Phần 1.5.2) trong IHS: Importation of Grains/Seeds for consumption, feed or processing hoặc thuộc các giống “Cấm nhập khẩu) hoặc liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI).

- Khi lô hàng có mức độ hạt lẫn cao hơn dung sai cho phép, MPI sẽ cho nhà nhập khẩu một số lựa chọn như: loại bỏ các hạt lẫn, xử lý để hạt giống không thể sinh trưởng, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy hàng hóa.

Phần 4: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm không sản xuất thương mại. Đề nghị tham khảo chi tiết tại IHS gốc.

Phần 5: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm được sản xuất thương mại

Thực phẩm đóng hộp đã nấu hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra hàng hóa

- Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật có chứa sản phẩm động vật phải đáp ứng cả các yêu cầu nhập khẩu đối với các sản phẩm động vật đó (ví dụ thịt, trứng, sữa).

Thực phẩm đã nấu, quay, chần, nướng hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại đã được nấu (quay, hầm, chần hoặc nướng) hoặc các loại trái cây và rau được bảo quản/ngâm giấm, được bảo quản trong dung dịch nước muối, a-xít, rượu, dầu hoặc xi rô.

- Hàng hóa nên có giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

Ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy

- Các loại ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy có yêu cầu riêng đối với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

Các loại thảo mộc, gia vị, rễ, củ sấy khô và đồ uống

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các hàng hóa được sản xuất thương mại và là: i) gia vị nghiền; ii) thảo mộc nghiền, đã vò nát hoặc thái nhỏ.

- Các loại thảo mộc, gia vị khô không nghiền, đồ uống có các yêu cầu riêng với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

Trái cây và rau củ tươi

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

Trái cây và rau củ tươi bóc vỏ, thái, xắt khúc

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

Hàng hóa tươi đã chế biến

- Chỉ dành riêng cho một số thương hiệu được MPI phê duyệt theo công bố trên website của MPI.

Trái cây và rau củ sấy

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các loại trái cây và rau củ sấy khô, sấy lạnh được sản xuất thương mại và được liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI) như đề cập ở trên, trừ các loại có hạt thuộc diện hạt cấm nhập khẩu.

Trái cây và rau củ ngâm giấm

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

Trái cây và rau củ bọc đường, ngâm đường, ướp muối, ngâm muối hoặc xi rô

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

Trái cây và rau củ dạng nước ép, nghiền, chất lỏng

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

Trái cây và rau củ đã nấu

- Xem quy định tại phần 5.2 thực phẩm đã nấu

Trái cây và rau củ đông lạnh

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại, trừ các loại sau:

- + Rong biển ăn được đông lạnh;
- + Lá của các loại cam quýt đông lạnh;

- + Nấm ăn được đông lạnh;
- + Các loài không nằm trong danh mục PBI hoặc bị cấm nhập khẩu; nếu lẫn các loại hạt hoặc vật chất có thể lây lan khác.
- Hoa ly bóc vỏ, đông lạnh có thể được nhập khẩu.
- Trường hợp cán bộ kiểm dịch tin rằng hàng hóa được sản xuất thương mại nhưng không dán nhãn, hàng hóa đó vẫn được cấp chứng nhận thông quan an toàn sinh học nếu quy trình đông lạnh có thể được kiểm chứng phù hợp các điều kiện sau:
 - Đối với vật chủ của loài ruồi không ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt -10°C hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.
 - Đối với vật chủ của loài ruồi ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt -18°C hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

Rong biển đông lạnh

- Rong biển đông lạnh có thể không được phép nhập khẩu trừ khi được chế biến bổ sung để đảm bảo rong biển không sinh trưởng được theo một trong các cách sau:
 - + Luộc ở 90°C trong ít nhất 30 phút sau đó đông lạnh tới -18°C ;
 - + Chần ở 90°C trong ít nhất 1 phút sau đó ngâm trong giấm và làm lạnh tới -18°C ;
 - + Cầm nóng đến 75°C trong 15 phút sau đó ướp với nước sốt gia vị và làm lạnh tới -18°C ;
 - + Nướng các lát mỏng (tối đa 0,05mm) ở 300°C trên đĩa nướng, sấy khô, nêm gia vị, cắt và làm lạnh tới -18°C .
- Tất cả các hàng hóa phải đi kèm với giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

Nấm sấy

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với nấm sấy sản xuất thương mại nếu được nhập khẩu kèm theo vận đơn hoặc vận đơn hàng không, trừ các loại sau:
 - + Lô hàng nấm cục phải dán nhãn là nấm cục và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;
 - + Lô hàng nấm linh chi nguyên chất phải được dán nhãn là nấm linh chi và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;
 - + Lô hàng nấm gỗ phải được xử lý nhiệt theo mục 3.7.
- Tất cả các lô hàng nấm sấy khác phải được kiểm tra sinh vật gây hại và các chất lẫn.

Ghi chú:

- Nấm cục có thể sinh trưởng bị cấm nhập khẩu.
- Tất cả các lô hàng nấm cục không phải loại nấu súp đều phải dán nhãn.
- Các lô hàng dán nhãn nấm cục sẽ phải xét nghiệm để phát hiện các vật chất có khả năng sinh trưởng.

- Hàng hóa nghi là nấm cục hoặc nấm sây không khô hoàn toàn sẽ bị tạm giữ và nhà nhập khẩu phải thực hiện xét nghiệm phát hiện vật chất có thể sinh trưởng, xử lý nhiệt hoặc trả lại nước xuất khẩu.

Nấm đông lạnh

- Các loại nấm ăn được (đông lạnh) sau đây có thể được nhập khẩu: *Agaricus bisporus*, *Boletus edulis*, *Cantharellus cibarius*, *Craterellus cornucopioides*, *Lentinula edodes*, *Marasmius oreades*, *Morchella conica* và *Morchella esculentus*.

- Các loại nấm này phải được đông lạnh thương mại và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật với tuyên bố bổ sung như sau:

- “Loại nấm [tên khoa học] trong lô hàng này đã được làm đông lạnh thương mại và giữ ở nhiệt độ tối thiểu -18°C trong 7 ngày trước khi giao hàng” kèm theo giấy chứng nhận của nhà sản xuất có chữ ký của người có thẩm quyền trong công ty, nêu rõ tên và địa chỉ của nhà sản xuất, thông tin chính xác về quá trình chế biến và ngày chế biến.

Các loại đậu (đỗ)

- Danh sách chi tiết các loại đậu và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.7 của IHS gốc.

Các loại hạt

- Danh sách chi tiết các loại hạt và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.8 của IHS gốc.

Dầu thực vật và dầu thực vật thể rắn đã chế biến

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với sản phẩm được chế biến và đóng gói thương mại, trừ trường hợp Stearin dầu cọ hydro hóa phải kiểm tra.

Chiết xuất thực vật, tảo và nấm

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với chiết xuất thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại dưới dạng viên nang, viên nén, bột, hồ, chất lỏng và xi rô có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng (shelf-stable) và không lẫn sinh vật có khả năng sinh trưởng.

Phấn hoa

- Phấn hoa thông không được phép nhập khẩu

- Phấn do ong thu thập được quy định tại IHS: Sản phẩm từ ong

- Phấn không do ong thu thập phải được sản xuất thương mại thành viên nang hoặc viên nén.

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NIU DI-LÂN

Điện thoại/Fax: + 64 4 8033 775

Email: nz@moit.gov.vn

Địa chỉ: Level 2, 90- 92 Dixon Street, Te Aro, Wellington

Hòm thư: PO Box 11095, Manners Street, Wellington 6142